BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 919 /QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4587/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 31 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Phát triển Phần mềm thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ số A-482 ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Xét đề nghị của Phó Trưởng ban, phụ trách Ban Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, trưởng các ban chức năng liên quan của Đại học Đà Nẵng, Giám đốc Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phó GĐ ĐHĐN;
- Lưu: VT; TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 919 /QĐ-ĐHĐN ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định loại hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và tài sản của Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng.

2. Những vấn đề không đề cập trong Quy chế này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi tiếng Việt: Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng.

2. Tên giao dịch quốc tế: Software Development Centre

3. Tên viết tắt: SDC

4. Trụ sở chính đặt tại khu C, 41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Loại hình tổ chức

1. Trung tâm Phát triển Phần mềm Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), được thành lập theo Quyết định số 4587/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 31 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trung tâm là đơn vị dự toán cấp 3, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

2. Trung tâm là tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự

chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Trung tâm hoạt động theo Giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ số A-482 ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được sử dụng con dấu của Trung tâm cho hoạt động khoa học công nghệ.

4. Trung tâm được hưởng các chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 4. Chức năng

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) và ứng dụng CNTT-TT (sau đây gọi tắt là lĩnh vực CNTT-TT).

2. Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng các dịch vụ đào tạo, tư vấn bồi dưỡng kiến thức, tập huấn trong lĩnh vực CNTT-TT; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và tư vấn đào tạo, sát hạch các kỹ năng CNTT-TT.

Điều 5. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT-TT; xúc tiến chuyển giao công nghệ; ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực CNTT-TT; hoạt động sản xuất, kinh doanh phần mềm trong và ngoài nước.

2. Phối hợp với các Ban chức năng liên quan và hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHĐN tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT-TT của ngành và ĐHĐN.

3. Xây dựng, quản lý và vận hành các loại hình dịch vụ hạ tầng mạng và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng trong lĩnh vực CNTT-TT.

4. Hợp tác, liên kết trong và ngoài nước về CNTT-TT nhằm mở rộng địa bàn và lĩnh vực hoạt động. Tham gia hỗ trợ, xây dựng các nhóm khởi nghiệp;

hợp tác kinh doanh với các cá nhân, doanh nghiệp. Vận động thu hút vốn đầu tư và quản lý vốn phục vụ cho quá trình ươm tạo và thương mại hoá các sản phẩm khoa học công nghệ từ ĐHĐN. Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động chuyển giao CNTT-TT.

5. Xây dựng và phát triển các chương trình bồi dưỡng kiến thức, các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, huấn luyện kỹ năng chuyên nghiệp định hướng theo các chuẩn kỹ năng CNTT-TT quốc gia, quốc tế và yêu cầu của doanh nghiệp; Xây dựng chương trình và tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng chuẩn CNTT cho cán bộ, HSSV trong ĐHĐN và cả nước; Xây dựng và thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức theo đặt hàng của doanh nghiệp.

6. Phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế triển khai các dịch vụ bồi dưỡng kiến thức trình độ quốc tế về CNTT-TT, dịch vụ khảo thí quốc tế; tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế trong lĩnh vực CNTT-TT.

7. Tư vấn xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT-TT của ĐHĐN và các đơn vị thành viên; hỗ trợ ĐHĐN trong xây dựng, triển khai các chương trình, dự án về đổi mới, ứng dụng CNTT-TT phục vụ công tác quản lý, điều hành. Tư vấn, hỗ trợ ĐHĐN trong việc xây dựng các chính sách, quy định về quản lý và khai thác hạ tầng mạng và thông tin thống nhất trong toàn ĐHĐN. Tư vấn, xây dựng các quy chuẩn chung về phần cứng, phần mềm ứng dụng, chuẩn trình độ tin học cho các đơn vị và các cơ sở giáo dục thành viên trong ĐHĐN; Tư vấn xây dựng quy chế tổ chức sử dụng khai thác tài nguyên CNTT-TT của ĐHĐN và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc ĐHĐN giao.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc Trung tâm.

2. Các phòng chức năng gồm:

- Phòng Nghiên cứu Phát triển;

- Phòng Dịch vụ Đào tạo;

- Phòng Hành chính Tổng hợp;

- Tổ Tài vụ trực thuộc Ban Giám đốc. Các bộ phận chức năng khác.

3. Giám đốc Trung tâm đề xuất Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, bộ phận chức năng quy định tại khoản 02 phù hợp với tình hình thực tế của Trung tâm; bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu các phòng, bộ phận chức năng; Giám đốc Trung tâm quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các phòng, bộ phận chức năng; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp phó các phòng chức năng.

Điều 7. Giám đốc, các Phó Giám đốc

1. Giám đốc Trung tâm là người chịu trách nhiệm toàn diện công tác lãnh đạo, điều hành Trung tâm, Giám đốc Trung tâm do Giám đốc ĐHĐN bổ nhiệm, miễn nhiệm; là người đại diện pháp lý của Trung tâm trong quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài ĐHĐN; chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHĐN và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

2. Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc ĐHĐN bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Trung tâm có không quá 02 Phó Giám đốc.

Điều 8. Kế toán trưởng, phụ trách kế toán

Giám đốc ĐHĐN bổ nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm để thực hiện các nhiệm vụ về hạch toán kế toán của Trung tâm theo quy định hiện hành.

Điều 9. Các đơn vị chức năng trực thuộc Trung tâm

1. Phòng, các bộ phận chức năng là đơn vị trực thuộc Trung tâm, có chức năng tham mưu cho Giám đốc Trung tâm và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Giám đốc Trung tâm giao; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Trung tâm.

2. Trưởng phòng, trưởng bộ phận là người chịu điều hành toàn bộ hoạt động của phòng, của bộ phận chức năng và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về việc tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của đơn vị. Giúp việc cho Trưởng phòng là các Phó Trưởng phòng và trực tiếp phụ trách một số mảng công tác do Trưởng phòng phân công.

Điều 10. Các tổ chức chính trị - xã hội

Trung tâm có tổ chức Đảng và các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo quy định hiện hành.

Chương IV
CƠ CHẾ TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM

Điều 11. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

1. Tự chủ trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch

a) Xây dựng kế hoạch trung hạn trình Giám đốc ĐHĐN phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch trung hạn đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch năm trình Giám đốc ĐHĐN phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ

a) Quyết định các biện pháp thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng, tiến độ;

b) Đăng ký và tham gia xét chọn, tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và chuyển giao công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; đấu thầu cung ứng các dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực theo quy định hiện hành;

c) Thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định hiện hành;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp sản phẩm, hàng hóa, công nghệ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ hoặc thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định hiện hành;

e) Tham gia đấu thầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm,

hàng hóa, dịch vụ theo quy định hiện hành.

Điều 12. Tự chủ về nhân sự

1. Cán bộ của Trung tâm bao gồm các viên chức được ĐHĐN tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và người lao động do Trung tâm ký hợp đồng lao động dựa trên đề án vị trí việc làm và cơ cấu người lao động đã được ĐHĐN phê duyệt.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quản lý người lao động theo quy định hiện hành đối với những vị trí việc làm thuộc phạm vi quyết định; thuê khoán hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ.

3. Đề xuất Giám đốc ĐHĐN việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài đến công tác tại Trung tâm và cử cán bộ, viên chức, người lao động ra nước ngoài công tác.

4. Đề xuất Giám đốc ĐHĐN bổ nhiệm, thuê người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Điều 13. Tự chủ về tài chính

1. Nguồn tài chính

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí;

b) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, các hoạt động hợp tác, liên kết;

c) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có), gồm: kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

d) Nguồn kinh phí từ ĐHĐN để thực hiện cho các nhiệm vụ do Giám đốc

ĐHĐN giao;

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Sử dụng tài chính

a) Chi thường xuyên: Trung tâm được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c (phần được để lại để chi hoạt động thường xuyên) Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi điều tiết về ĐHĐN: Chi theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

- Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp theo lương:

+ Đối với viên chức ký hợp đồng làm việc với ĐHĐN: Trung tâm chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Khi nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở, Trung tâm tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị;

+ Đối với người lao động ký hợp đồng lao động với Trung tâm: mức tiền công được xác định trên cơ sở thỏa thuận và được thể hiện trong hợp đồng công việc.

- Chi hoạt động chuyên môn, chi lợi nhuận:

+ Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, Trung tâm được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ĐHĐN ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

+ Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, Trung tâm tự xây dựng mức chi, quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

+ Trung tâm phải thực hiện đúng các quy định của nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu

chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định:

Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Trung tâm chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điểm c (phần được để lại để chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí), Điểm d, Điểm e Khoản 1 Điều này.

3. Phân bổ chênh lệch trong năm

a) Hằng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị sử dụng để:

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, mức trích không quá 2 lần hoặc 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do nhà nước quy định;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định hiện hành;

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Mức trích cụ thể của các quỹ do Giám đốc Trung tâm quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực

hoạt động sự nghiệp; chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị và các khoản chi khác (nếu có);

- Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm; Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Riêng hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo tổ chức tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị;

- Quỹ khen thưởng: Chi thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế.

Điều 14. Tự chủ về quản lý, sử dụng tài sản

Trung tâm được quyền chủ động trong việc đầu tư, mua sắm, sửa chữa các thiết bị, tài sản và thuê mướn cơ sở vật chất bằng nguồn vốn của Trung tâm theo đúng quy định hiện hành. Tất cả tài sản, thiết bị của Trung tâm đều phải được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Nhà nước về chế độ quản lý tài chính và tài sản.

Chương V
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA TRUNG TÂM VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Điều 15. Quan hệ công tác với các đơn vị trong Đại học Đà Nẵng

1. Trung tâm có quan hệ với các đơn vị trong ĐHĐN trên cơ sở các quy định quản lý của ĐHĐN; hợp tác và phối hợp thường xuyên với các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc ĐHĐN trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về phát triển phần mềm, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng trong lĩnh vực CNTT-TT và các hoạt động khác nhằm sử dụng tốt các nguồn lực chung của ĐHĐN để nâng cao chất lượng đào tạo và mang lại lợi ích cho các bên liên quan. Chịu sự giám sát của các ban chức năng trong các mảng công việc theo chỉ đạo của Giám đốc ĐHĐN.

2. Các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc ĐHĐN có trách nhiệm hợp tác và hỗ trợ Trung tâm để thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị và ĐHĐN; hỗ trợ Trung tâm thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Giám đốc ĐHĐN giao, đảm bảo tính liên thông, liên kết trong thực hiện nhiệm vụ chung của ĐHĐN.

Điều 16. Quan hệ công tác với các đơn vị ngoài Đại học Đà Nẵng

Trung tâm được trực tiếp thiết lập mối quan hệ và ký các loại văn bản hành chính, văn bản hợp tác, hợp đồng với các đơn vị ngoài ĐHĐN trong khuôn khổ pháp luật, các quy định của nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHĐN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, triển khai các hoạt động theo quy định của Quy chế này.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHĐN và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và tài sản của đơn vị.

2. Bảo đảm chất lượng dịch vụ công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

Trung tâm có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi ĐHĐN để phê duyệt. Trường hợp Quy chế có quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước, ĐHĐN có ý kiến để Trung tâm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tổ chức, thực hiện quản lý, sử dụng viên chức theo quy định hiện hành về viên chức.

4. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.

5. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Trung tâm có quyền đề xuất Giám đốc ĐHĐN bổ sung, sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Trung tâm./.

GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ